

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ
Eastspring Investments**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 38

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Quyết định số 03/UBCK-GPHĐQLQ ngày 26 tháng 5 năm 2005 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và quyết định điều chỉnh mới nhất số 34/GPĐC-UBCK ngày 30 tháng 6 năm 2025 và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0303827455 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 12 năm 2022.

Vào ngày 23 tháng 3 năm 2012, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty được thực hiện nghiệp vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán theo Giấy phép Kinh doanh số 51/GP-UBCK. Ngày 26 tháng 3 năm 2013, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK cho phép bổ sung thêm dịch vụ tư vấn chứng khoán vào các giấy phép hiện hành của Công ty.

Chủ sở hữu duy nhất của Công ty là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam, là một doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 2138/GP ngày 29 tháng 10 năm 1999 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 2138/GPDC1 ngày 25 tháng 10 năm 2002. Công ty mẹ đã nhận giấy phép thành lập và hoạt động số 15 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 15 tháng 11 năm 2004 và Giấy phép kinh doanh Điều chỉnh mới nhất số 15/GPĐC8/KDBH ngày 14 tháng 5 năm 2021.

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Quản lý Quỹ và các giấy phép điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 23, Tòa nhà Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Ông Terence Lim Ming Wan	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 9 năm 2024
Ông Ngô Thế Triệu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2025
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2025
Ông Phương Tiến Minh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2025
Ông Conor Martin O' Neil	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Ông Ngô Thế Triệu	Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2025
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2025

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Ông Ngô Thế Triệu	Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2025
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2025

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments ("Tổng Giám đốc") chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Ông Nguyễn Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 13426425/68744540-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Chủ sở hữu của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments ("Công ty") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 38 bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Saman Wijaya Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2036-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2025

B01a-CTQ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND'000
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		619.869.348	517.836.121
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	38.959.294	17.224.155
111	1. Tiền		18.959.294	17.224.155
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	485.000.000	400.000.000
121	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		485.000.000	400.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		92.144.718	98.304.827
132	1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.1	104.454	5.711.631
134	2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	7.2	87.683.311	88.477.043
135	3. Phải thu khác	7.3	4.386.953	4.146.153
139	4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	7.3	(30.000)	(30.000)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		3.765.336	2.307.139
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		3.765.336	2.307.139
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		13.857.896	13.046.315
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.238.356	1.238.356
218	1. Phải thu dài hạn khác	11	1.238.356	1.238.356
220	II. Tài sản cố định		7.304.306	7.268.171
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	190.678	558.315
222	Nguyên giá		4.611.283	4.681.283
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.420.605)	(4.122.968)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	7.113.628	6.340.922
228	Nguyên giá		9.043.258	7.431.243
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.929.630)	(1.090.321)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	-	368.934
260	III. Tài sản dài hạn khác		5.315.234	4.539.788
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		636.773	744.857
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	23.3	4.678.461	3.794.931
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		633.727.244	530.882.436

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025

B01a-CTQ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND'000
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		61.105.371	58.962.454
310	I. Nợ ngắn hạn		57.092.664	55.886.422
312	1. Phải trả người bán		-	306.180
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	15.736.742	14.274.461
315	3. Phải trả người lao động		5.208.794	-
316	4. Chi phí phải trả	13	31.040.391	37.688.740
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	14	5.106.737	3.617.041
330	II. Nợ dài hạn		4.012.707	3.076.032
336	1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	15	1.594.628	1.532.452
337	2. Dự phòng phải trả dài hạn	16	2.418.079	1.543.580
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		572.621.873	471.919.982
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	17	25.000.000	25.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		2.500.000	2.500.000
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.500.000	2.500.000
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		542.621.873	441.919.982
420a	4.1 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		441.919.982	247.931.515
420b	4.2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		100.701.891	193.988.467
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		633.727.244	530.882.436

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND'000
001	Cam kết thuê hoạt động	29	4.953.425	7.366.613
005	Ngoại tệ	30	3.269.394	1.991.040
030	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	25	4.470.543.952	3.469.137.351
040	Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	26	160.329.298.116	156.117.880.252
050	Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	27	4.717.752.915	5.598.623.292
051	Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	28	75.084.261	113.534.909

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2025



Bà Nguyễn Thị Hoài Thu
Kế toán



Bà Lê Minh Thủy
Kế toán trưởng




Ông Nguyễn Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

B02a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND'000	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND'000
10	1. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	18	183.524.588	166.772.136
11	2. Chi phí hoạt động kinh doanh	19	(33.138.439)	(27.349.778)
20	3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh		150.386.149	139.422.358
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	20	10.918.623	5.195.045
22	5. Chi phí hoạt động tài chính	21	(1.128.551)	(641.488)
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(32.954.013)	(24.740.098)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		127.222.208	119.235.817
31	8. Thu nhập khác		4.630	-
40	9. Lợi nhuận khác		4.630	-
50	10. Lợi nhuận kế toán trước thuế		127.226.838	119.235.817
51	11. Chi phí thuế TNDN hiện hành		(27.408.477)	(23.095.713)
52	12. Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	23.3	883.530	(782.643)
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		100.701.891	95.357.461

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Bà Nguyễn Thị Hoài Thu
Kế toán

Bà Lê Minh Thủy
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (phương pháp gián tiếp)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

B03a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND'000	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND'000
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		127.226.838	119.235.817
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	8, 9	1.195.104	704.901
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(141.650)	(97.416)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(10.218.088)	(4.835.775)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		118.062.204	115.007.527
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		6.119.764	(12.741.392)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		826.901	(8.073.440)
12	Tăng chi phí trả trước		(1.350.113)	(1.064.043)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(26.092.461)	(22.301.154)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		97.566.295	70.827.498
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ & XDCBDD		(1.243.081)	(2.105.359)
23	Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng		(495.000.000)	(270.000.000)
24	Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng		410.000.000	230.000.000
27	Tiền thu từ lãi các khoản đầu tư		10.270.275	4.048.340
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng cho hoạt động đầu tư		(75.972.806)	(38.057.019)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		21.593.489	32.770.479
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	5	17.224.155	53.472.464
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		141.650	97.416
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	5	38.959.294	86.340.359

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Bà Nguyễn Thị Hoài Thu
Kế toán

Bà Lê Minh Thủy
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTQ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số cuối kỳ	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2024 VND'000	Ngày 1 tháng 1 năm 2025 VND'000	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND'000	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND'000
				Tăng VND'000	Giảm VND'000	Tăng VND'000	Giảm VND'000		
1. Vốn góp	17	25.000.000	25.000.000	-	-	-	-	25.000.000	25.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính		2.500.000	2.500.000	-	-	-	-	2.500.000	2.500.000
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.500.000	2.500.000	-	-	-	-	2.500.000	2.500.000
4. Lợi nhuận chưa phân phối		247.931.515	441.919.982	95.357.461	-	100.701.891	-	343.288.976	542.621.873
TỔNG CỘNG		277.931.515	471.919.982	95.357.461	-	100.701.891	-	373.288.976	572.621.873

Bà Nguyễn Thị Hoài Thu
Kế toán

Bà Lê Minh Thủy
Kế toán trưởng



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Ông Nguyễn Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

B09a-CTQ

tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Quyết định số 03/UBCK-GPHĐQLQ ngày 26 tháng 5 năm 2005 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và quyết định điều chỉnh mới nhất số 34/GPĐC-UBCK ngày 30 tháng 6 năm 2025 và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0303827455 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 12 năm 2022.

Vào ngày 23 tháng 3 năm 2012, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty được thực hiện nghiệp vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán theo Giấy phép Kinh doanh số 51/GP-UBCK. Ngày 26 tháng 3 năm 2013, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK cho phép bổ sung thêm dịch vụ tư vấn chứng khoán vào các giấy phép hiện hành của Công ty.

Chủ sở hữu duy nhất của Công ty là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam, là một doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 2138/GP ngày 29 tháng 10 năm 1999 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 2138/GPDC1 ngày 25 tháng 10 năm 2002. Công ty mẹ đã nhận Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 15 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 15 tháng 11 năm 2004 và Giấy phép Kinh doanh điều chỉnh mới nhất số 15/GPĐC8/KDBH ngày 14 tháng 5 năm 2021.

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Quản lý Quỹ và các giấy phép điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 23, Tòa nhà Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có 28 nhân viên (31 tháng 12 năm 2024: 28 nhân viên) trong đó có một (1) nhân viên quản lý cấp cao, 13 nhân viên đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản, 2 nhân viên đã được cấp chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính và 2 nhân viên có giấy phép hành nghề môi giới chứng khoán.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty đang thực hiện quản lý:

- Danh mục đầu tư của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam, và
- Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam, và
- Quỹ Đầu tư Cổ phiếu ESG Eastspring Investments Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1),
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2),
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3),
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4), và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa các báo cáo này không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Cơ sở đo lường

Các báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở dồn tích sử dụng nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 theo quy định của Thông tư số 99/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, được làm tròn đến nghìn đồng gần nhất ("VND'000").

2.5 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký Chung.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng đáo hạn trong vòng 12 tháng hoặc dự định nắm giữ không quá một năm. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, Công ty thực hiện trích lập dự phòng.

Chi tiết tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

4.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

4.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Chi phí nâng cấp	3 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 4 năm
Phần mềm máy tính	4 năm

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ theo khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc theo khoảng thời gian các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

4.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

4.11 Các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên

Các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên bao gồm khoản thưởng bằng tiền cho nhân viên mà Công ty có nghĩa vụ chi trả trong vòng ba năm. Khoản thưởng này được ghi nhận là khoản chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tương ứng với khoản tăng nợ phải trả, trong khoảng thời gian mà nhân viên được hưởng các khoản thưởng này ("kỳ được nhận thưởng"). Khoản chi phí ghi nhận được điều chỉnh hàng năm bằng cách tham chiếu với lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Eastspring Investments trên toàn Châu Á trong kỳ được nhận thưởng.

4.12 Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư

Công ty nhận tiền từ khách hàng và sử dụng số tiền này để đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng quản lý danh mục đầu tư. Khoản đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo hợp đồng quản lý danh mục đầu tư và các tài sản và nợ phải trả liên quan đến các hợp đồng này được ghi nhận trong mục các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành.

4.13 Các quỹ

Các quỹ của Công ty được trích lập theo Nghị quyết của Hội đồng thành viên phù hợp với các quy định pháp lý có liên quan.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành thông tư 114/2021/TT-BTC có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2022 để bãi bỏ Thông tư 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ trong đó nêu:

Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành.

Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty theo quy định hiện hành.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty chưa có quyết định cuối cùng về kế hoạch xử lý số dư các quỹ này.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

4.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Phí quản lý

Phí quản lý quỹ và danh mục đầu tư, phí quản trị danh mục đầu tư và phí hỗ trợ phân bổ tài sản được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

4.16 Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.18 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.18 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ (nhà đầu tư), công ty mẹ cấp cao nhất của nhà đầu tư này và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này. Các bên liên quan cũng bao gồm các quỹ do Công ty quản lý.

4.20 Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư 125 không được phản ánh trên báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND'000
Tiền gửi tại ngân hàng		
- Ngân hàng Deutsche Bank AG - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	18.080.467	16.351.691
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	878.827	872.464
	18.959.294	17.224.155
Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng		
- Ngân hàng MUFG, Chi nhánh Thành phố Hà Nội	10.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	10.000.000	-
	20.000.000	-
	38.959.294	17.224.155

Các khoản tương đương tiền của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có lãi suất từ 3,93%/năm đến 4,50%/năm. Trong trường hợp Công ty rút tiền gửi trước ngày đáo hạn, các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được hưởng lãi suất theo chính sách của ngân hàng áp dụng cho trường hợp rút trước ngày đáo hạn.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND'000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
- Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	170.000.000	140.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	140.000.000	140.000.000
- Ngân hàng MUFG, Chi nhánh Thành phố Hà Nội	115.000.000	80.000.000
- Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	60.000.000	40.000.000
	485.000.000	400.000.000

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và được hưởng lãi suất từ 3,74%/năm đến 5,20%/năm.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

7.1 Trả trước người bán ngắn hạn

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND'000
Trả trước công ty liên quan	85.050	5.711.631
Tạm ứng cho người bán	19.404	-
	104.454	5.711.631

7.2 Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND'000
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư cho công ty mẹ (Thuyết minh 24)	85.247.598	86.039.448
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư cho các công ty liên quan (Thuyết minh 24)	587.576	612.409
Phải thu hoạt động quản lý Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam và Quỹ Đầu tư cổ phiếu ESG Eastspring Investments Việt Nam (Thuyết minh 24)	1.848.137	1.825.186
	87.683.311	88.477.043

7.3 Phải thu khác

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND'000
Lãi dự thu	3.851.490	3.908.307
Phải thu từ người lao động	65.000	155.000
Đặt cọc tiền thuê	18.990	45.000
Phải thu khác từ Công ty mẹ	405.000	-
Phải thu khác (*)	46.473	37.846
	4.386.953	4.146.153
Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	(30.000)	(30.000)
Phải thu ngắn hạn khác thuần	4.356.953	4.116.153

(*) Bao gồm trong khoản phải thu tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là các khoản phải thu đã quá hạn có giá trị ghi sổ là 30 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 30 triệu VND) và đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đầy đủ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Chi phí nâng cấp văn phòng VND'000</i>	<i>Thiết bị văn phòng VND'000</i>	<i>Tổng cộng VND'000</i>
Nguyên giá			
Ngày 1 tháng 1 năm 2025	1.551.403	3.129.880	4.681.283
Phân loại lại	(94.399)	94.399	-
Thanh lý trong kỳ	-	(70.000)	(70.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	1.457.004	3.154.279	4.611.283
<i>Trong đó:</i>			
<i>Tài sản đã khấu hao hết</i>	1.457.004	2.629.249	4.086.253
Giá trị khấu hao lũy kế			
Ngày 1 tháng 1 năm 2025	1.182.515	2.940.453	4.122.968
Khấu hao trong kỳ	321.689	34.106	355.795
Phân loại lại	(47.200)	47.200	-
Thanh lý trong kỳ	-	(58.158)	(58.158)
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	1.457.004	2.963.601	4.420.605
Giá trị còn lại			
Ngày 1 tháng 1 năm 2025	368.888	189.427	558.315
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	-	190.678	190.678

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm máy tính VND'000</i>
Nguyên giá	
Ngày 1 tháng 1 năm 2025	7.431.243
Mua trong năm	1.243.081
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	368.934
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	9.043.258
<i>Trong đó:</i>	
<i>Tài sản đã hao mòn hết</i>	-
Giá trị hao mòn lũy kế	
Ngày 1 tháng 1 năm 2025	1.090.321
Khấu hao trong kỳ	839.309
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	1.929.630
Giá trị còn lại	
Ngày 1 tháng 1 năm 2025	6.340.922
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	7.113.628

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND'000
Phần mềm máy tính	-	368.934
	-	368.934

11. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND'000
Đặt cọc thuê văn phòng	1.238.356	1.238.356
	1.238.356	1.238.356

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ VND'000	Trong kỳ		Số cuối kỳ VND'000
		Phải trả VND'000	Đã nộp VND'000	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.972.425	27.408.477	(26.092.461)	14.288.441
Thuế nhà thầu	488.801	1.470.773	(1.162.479)	797.095
Thuế thu nhập cá nhân	813.235	8.916.784	(9.078.813)	651.206
	14.274.461	37.796.034	(36.333.753)	15.736.742

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND'000
Các khoản tiền thưởng cho nhân viên	11.408.960	22.081.648
Chi phí hoạt động	14.235.799	10.569.605
Các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên đến hạn trả trong 12 tháng (Thuyết minh số 16)	2.882.498	2.382.806
Các khoản khác	2.513.134	2.654.681
	31.040.391	37.688.740

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Phải trả ngắn hạn khác chủ yếu bao gồm các khoản chi phí phải trả liên quan đến dịch vụ công nghệ thông tin và hành chính văn phòng cho các công ty liên quan, chi tiết như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND'000
Phải trả cho công ty mẹ – Phi thương mại	1.661.077	1.272.834
Phải trả các công ty liên quan khác – Phi thương mại	3.066.270	1.964.815
Phải trả bên thứ ba – Phi thương mại	379.390	379.392
	5.106.737	3.617.041

Các khoản phải trả phi thương mại đối với công ty mẹ và các công ty liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

15. DỰ PHÒNG TRỢ CẤP MẤT VIỆC LÀM

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND'000	Năm trước VND'000
Số đầu kỳ	1.532.452	1.261.724
Dự phòng trích lập trong kỳ	62.176	270.728
Số cuối kỳ	1.594.628	1.532.452

16. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND'000
Các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên (i)	1.346.852	1.322.718
Thưởng khác	1.071.227	220.862
	2.418.079	1.543.580

(i) Biến động của khoản thưởng dài hạn cho nhân viên trong kỳ như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND'000	Năm trước VND'000
Số đầu kỳ	1.322.718	5.023.949
Dự phòng trích lập trong kỳ	2.906.632	4.214.396
Đã chi trả trong năm	-	(5.532.821)
Chuyển sang các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên đến hạn trả trong 12 tháng (Thuyết minh số 13)	(2.882.498)	(2.382.806)
Số cuối kỳ	1.346.852	1.322.718

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

17. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Theo Giấy phép Kinh doanh số 51/GP-UBCK VND'000	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn đã góp VND'000
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam	25.000.000	100	25.000.000

18. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND'000	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND'000
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ và danh mục đầu tư (i)	151.949.285	136.562.547
Doanh thu hoạt động giải pháp đầu tư và phân bổ tài sản (ii)	18.078.291	17.323.657
Doanh thu hoạt động quản trị quỹ (iii)	9.024.319	8.686.950
Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư (iv)	1.164.577	1.258.234
Doanh thu từ hoạt động báo cáo hiệu suất chuyên sâu (v)	3.308.116	2.940.748
	183.524.588	166.772.136

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty quản lý năm (05) danh mục đầu tư chứng khoán và hai (02) quỹ đầu tư với tổng giá trị tài sản ròng là 182.620 tỷ VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 180.512 tỷ VND).

Công ty quản lý danh mục đầu tư cho Quỹ Nhân thọ, Quỹ Chủ sở hữu, Quỹ Liên kết Đơn vị, Quỹ Liên kết chung và Quỹ Hưu trí của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam (công ty mẹ) theo hợp đồng quản lý đầu tư có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2008. Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, phí quản lý danh mục đầu tư nhận được từ các dịch vụ cung cấp cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam là 140.919 triệu VND (Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024: 134.776 triệu VND).

Công ty cũng quản lý Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam, một quỹ mở được thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam theo Giấy chứng nhận thành lập quỹ số 09/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014. Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, phí quản lý nhận được từ các dịch vụ cung cấp cho Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam là 1.900 triệu VND (Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024: 1.787 triệu VND).

Từ tháng 11 năm 2024, Công ty cũng quản lý Quỹ Đầu tư Cổ phiếu ESG Eastspring Investments Việt Nam, một quỹ mở được thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam theo Giấy chứng nhận thành lập quỹ số 187/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 13 tháng 11 năm 2024. Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, phí quản lý nhận được từ các dịch vụ cung cấp cho Quỹ Đầu tư Cổ phiếu ESG Eastspring Investments Việt Nam là 9.131 triệu.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

18. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

- (ii) Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, doanh thu từ hoạt động giải pháp đầu tư và phân bổ tài sản cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam là 18.078 triệu VND (Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024: 17.324 triệu VND).
- (iii) Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, doanh thu từ hoạt động quản trị quỹ cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam là 9.024 triệu VND (Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024: 8.687 triệu VND).
- (iv) Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư cho Công ty Eastspring Investments (Singapore) Limited là 1.165 triệu VND (Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024: 1.258 triệu VND).
- (v) Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, doanh thu từ hoạt động báo cáo hiệu suất chuyên sâu cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam là 3.308 triệu VND (Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024: 2.941 triệu VND).

19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND'000	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND'000
Chi phí nhân viên	14.386.865	11.565.490
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.235.284	7.198.792
Chi phí dịch vụ CNTT	3.803.415	4.559.912
Chi phí dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường	2.994.055	2.370.271
Chi phí thuê văn phòng	1.168.047	1.144.239
Chi phí dịch vụ quỹ và trả cho nhà phân phối quỹ	381.448	349.977
Chi phí khấu hao và hao mòn TSCĐ	169.325	161.097
	33.138.439	27.349.778

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND'000	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND'000
Lãi tiền gửi ngân hàng	10.213.458	4.835.775
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	705.165	359.270
	10.918.623	5.195.045

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND'000	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND'000
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.128.551	641.488
	1.128.551	641.488

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND'000	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND'000 (Trình bày lại)
Chi phí nhân viên	18.727.576	17.349.195
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.261.191	891.712
Chi phí dịch vụ CNTT	2.085.790	1.839.306
Chi phí thuê văn phòng	1.286.332	1.315.021
Chi phí khấu hao và hao mòn TSCĐ	1.025.779	543.804
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp (*)	228.760	262.408
Chi phí dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường	130.556	4.617
Chi phí khác	1.208.029	2.534.035
	32.954.013	24.740.098

(*) Bao gồm phí kiểm toán báo cáo tài chính và phí kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất bằng 20% lợi nhuận chịu thuế.

Công ty đã được cơ quan thuế quyết toán thuế đến năm 2011.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND'000	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND'000
Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.953.894	23.095.698
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN hiện hành trích thiếu trong những năm trước	1.454.583	15
Điều chỉnh thu nhập thuế TNDN hoãn lại trích thiếu năm trước	(1.454.583)	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại năm nay	571.053	782.643
	26.524.947	23.878.356

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND'000	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND'000
Lợi nhuận kế toán trước thuế	127.226.838	119.235.817
Thuế TNDN theo thuế suất 20% (2024: 20%)	25.445.368	23.847.163
<i>Điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.079.579	31.178
Điều chỉnh thuế TNDN hiện hành trích thiếu trong những năm trước	1.454.583	15
<i>Điều chỉnh giảm:</i>		
Điều chỉnh thu nhập thuế TNDN hoãn lại trích thiếu năm trước	(1.454.583)	-
Chi phí thuế TNDN	26.524.947	23.878.356

23.2 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

23.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND'000	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND'000	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND'000
Chi phí phải trả	3.984.320	3.179.725	804.595	(8.265)
Các khoản thường dài hạn cho nhân viên và thường khác	483.616	308.716	174.900	(818.205)
Trợ cấp thôi việc	210.525	306.490	(95.965)	43.827
	4.678.461	3.794.931	883.530	(782.643)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND'000</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND'000</i>
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam	Công ty mẹ	Phí quản lý danh mục đầu tư Phí dịch vụ giải pháp đầu tư và phân bổ tài sản Phí dịch vụ báo cáo hiệu suất chuyên sâu Phí dịch vụ quản trị quỹ Chi phí liên quan đến dịch vụ CNTT và vận hành Chi phí trả hộ cho Công ty Chi phí trả hộ bởi Công ty	140.918.498 18.078.291 3.308.116 9.024.319 (1.822.794) (250.757) 405.000	134.775.879 17.323.657 2.940.748 8.686.950 (2.757.052) (705.898) -
Prudential Corporation Holdings Ltd	Bên liên quan	Chi hộ cho Công ty Phí dịch vụ hỗ trợ vận hành	(353.662) (5.332.989)	(273.630) 1.593.523
Eastspring Investments (Singapore) Limited	Bên liên quan	Phí liên quan đến dịch vụ CNTT và vận hành Phí tư vấn	(14.890.439) 1.164.577	(12.348.054) 1.258.234
Eastspring Investments Services Pte Ltd	Bên liên quan	Điều chỉnh chi phí dịch vụ hỗ trợ Điều chỉnh chi phí trả hộ cho Công ty	- -	75.757 1.460
Prudential Services Singapore Pte Ltd	Bên liên quan	Phí dịch vụ hỗ trợ	(1.731.381)	(940.329)
Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam	Quỹ do Công ty quản lý	Phí quản lý quỹ	1.900.010	1.786.668
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu ESG Eastspring Investments Việt Nam	Quỹ do Công ty quản lý	Phí quản lý quỹ	9.130.777	-
Tổng Giám đốc và những người quản lý khác	Ban Quản lý	Lương, thưởng và phúc lợi khác	20.881.083	27.805.262

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu/(phải trả) với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025 Phải thu/ (Phải trả) VND'000</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Phải thu/ (Phải trả) VND'000</i>
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam	Công ty mẹ	Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư Phải thu phí dịch vụ giải pháp đầu tư và phân bổ tài sản Phải thu phí dịch vụ báo cáo hiệu suất chuyên sâu Phải thu phí dịch vụ quản trị quỹ Phải trả phí dịch vụ CNTT và vận hành Các khoản phải trả khác	70.033.928 9.055.973 4.520.540 1.637.157 (1.583.727) (77.350)	70.962.574 8.982.194 4.483.629 1.611.051 (1.155.751) (117.083)
Prudential Corporation Holdings Ltd	Bên liên quan	Trả trước phí trả hộ cho công ty	85.050	5.711.631
Eastspring Investments (Singapore) Limited	Bên liên quan	Phải trả phí dịch vụ CNTT và vận hành Phí tư vấn	(3.066.271) 587.576	(1.964.816) 612.409
Eastspring Investments Services Pte Ltd	Bên liên quan	Phải thu phí dịch vụ hỗ trợ	-	7.846
Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam	Quỹ do Công ty quản lý	Phải thu phí quản lý quỹ	314.309	303.355
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu ESG Eastspring Investments Việt Nam	Quỹ do Công ty quản lý	Phải thu phí quản lý quỹ	1.533.828	1.521.831

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

25. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Chi tiết tiền và các khoản tương đương tiền giữ hộ nhà đầu tư ủy thác trong nước và quỹ đầu tư dưới sự quản lý của Công ty như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND'000
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam (i)	4.386.033.116	3.363.952.573
Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam (ii)	32.203.917	30.177.035
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu ESG Eastspring Investments Việt Nam (iii)	52.306.919	75.007.743
	4.470.543.952	3.469.137.351

(i) Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND'000	Năm trước VND'000
Số đầu kỳ	3.363.952.573	2.321.941.701
Tăng trong kỳ	60.255.035.947	129.094.403.018
Nhận tiền từ bán chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi	50.766.630.817	106.262.391.369
Tiền thu từ nhà đầu tư ủy thác	9.488.405.130	22.832.011.649
Giảm trong kỳ	(59.232.955.404)	(128.052.392.146)
Thanh toán mua chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi	(50.297.522.801)	(108.323.445.366)
Rút vốn của nhà đầu tư ủy thác	(8.935.432.603)	(19.728.946.780)
Số cuối kỳ	4.386.033.116	3.363.952.573

(ii) Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND'000	Năm trước VND'000
Số đầu kỳ	30.177.035	43.828.036
Tăng trong kỳ	275.615.912	647.832.915
Nhận tiền từ bán chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi	269.847.800	641.729.322
Tiền thu từ nhà đầu tư ủy thác	5.639.363	6.103.593
Phải thu khác	128.749	-
Giảm trong kỳ	(273.589.030)	(661.483.916)
Thanh toán mua chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi	(269.573.167)	(653.436.180)
Rút vốn của nhà đầu tư ủy thác	(1.236.604)	(3.020.008)
Tiền giảm khác	(2.779.259)	(5.027.728)
Số cuối kỳ	32.203.917	30.177.035

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

(iii) Quỹ Đầu tư Cổ phiếu ESG Eastspring Investments Việt Nam

	Số cuối năm VND'000	Số đầu năm VND'000
Số đầu năm	75.007.743	-
Tăng trong năm	365.171.211	1.494.138.688
Nhận tiền từ bán chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi	362.328.071	88.721.256
Tiền thu từ nhà đầu tư ủy thác	2.843.140	1.405.417.432
Giảm trong năm	(387.872.035)	(1.419.130.945)
Thanh toán mua chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi	(376.888.033)	(1.418.228.028)
Rút vốn của nhà đầu tư ủy thác	(935.139)	(497.423)
Tiền giảm khác	(10.048.863)	(405.494)
Số cuối năm	52.306.919	75.007.743

26. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND'000
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam		
Chứng khoán vốn niêm yết	14.650.950.340	14.661.672.974
<i>Trong đó, chứng khoán vốn niêm yết bị giảm giá bao gồm:</i>	<i>2.595.245.968</i>	<i>3.819.733.262</i>
Chứng khoán nợ niêm yết	75.494.421.903	75.544.457.381
Chứng khoán nợ chưa niêm yết	17.757.500.000	17.864.500.000
Tiền gửi có kỳ hạn	48.681.460.455	44.311.228.113
Chứng chỉ tiền gửi	2.209.621.925	2.224.347.287
Chứng chỉ quỹ (*)	1.390.000.000	1.390.000.000
Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam		
Chứng khoán vốn niêm yết	137.843.680	135.991.623
<i>Trong đó, chứng khoán vốn niêm yết bị giảm giá bao gồm:</i>	<i>20.871.980</i>	<i>39.681.314</i>
Chứng khoán nợ chưa niêm yết	11.982.700	11.982.700
Tiền gửi có kỳ hạn	44.407.351	34.228.162
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu ESG Eastspring Investments Việt Nam		
Chứng khoán vốn niêm yết (**)	1.341.109.762	1.329.472.012
<i>Trong đó, chứng khoán vốn niêm yết bị giảm giá bao gồm:</i>	<i>621.277.688</i>	<i>311.614.626</i>
	160.329.298.116	156.117.880.252

(*) Đây là khoản đầu tư của PVA vào Quỹ đầu tư Cổ phiếu ESG Eastspring Investments Việt Nam, được đánh dấu (**) bên dưới.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

27. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND'000
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam		
Lãi phải thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	2.548.461.897	3.034.541.902
Lãi phải thu từ chứng khoán nợ	2.087.361.629	2.279.160.627
Phải thu cổ tức, trái tức	81.111.312	195.572.225
Phải thu tiền bán chứng khoán	-	88.652.816
Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam		
Lãi phải thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	542.103	511.993
Lãi phải thu từ chứng khoán nợ	181.374	183.729
Phải thu cổ tức, trái tức	94.600	-
	4.717.752.915	5.598.623.292

28. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND'000
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam		
Phải trả tiền mua chứng khoán	54.050.948	93.622.528
Phải trả phí khác	18.338.832	17.156.308
Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam		
Phải trả phí khác	747.568	870.793
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu ESG Eastspring Investments Việt Nam		
Phải trả phí khác	1.946.913	1.885.280
	75.084.261	113.534.909

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND'000
Dưới 1 năm	4.953.425	4.889.900
Từ 1 năm đến dưới 5 năm	-	2.476.713
	4.953.425	7.366.613

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

30. NGOẠI TỆ

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Nguyên tệ	Tương đương VND'000	Nguyên tệ	Tương đương VND'000
USD	125.165,83	3.269.394	78.125,94	1.991.040

31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

31.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tương đương tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ mà Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến trạng thái tài chính và kết quả hoạt động của Công ty. Rủi ro tỷ giá ngoại tệ đối với Công ty chủ yếu đến từ tỷ giá trao đổi giữa đô la Mỹ và đồng Việt Nam. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không chịu ảnh hưởng trọng yếu bởi rủi ro tỷ giá hối đoái do các tài sản và nợ phải trả của Công ty chủ yếu có gốc tiền tệ là Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

31.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức rủi ro tín dụng tối đa tại ngày kết thúc kỳ báo cáo như sau:

	<i>Không quá hạn VND'000</i>	<i>Quá hạn nhưng không bị suy giảm VND'000</i>	<i>Bị giảm giá trị riêng lẻ VND'000</i>	<i>Tổng cộng VND'000</i>
Ngày 30 tháng 6 năm 2025				
Các công cụ tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.959.294	-	-	38.959.294
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	485.000.000	-	-	485.000.000
Phải thu hoạt động nghịệp vụ	87.683.311	-	-	87.683.311
Các khoản phải thu khác	5.699.763	-	30.000	5.729.763
	617.342.368	-	30.000	617.372.368
	<i>Không quá hạn VND'000</i>	<i>Quá hạn nhưng không bị suy giảm VND'000</i>	<i>Bị giảm giá trị riêng lẻ VND'000</i>	<i>Tổng cộng VND'000</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Các công cụ tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.224.155	-	-	17.224.155
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	400.000.000	-	-	400.000.000
Phải thu hoạt động nghịệp vụ	88.477.043	-	-	88.477.043
Các khoản phải thu khác	11.066.140	-	30.000	11.096.140
	516.767.338	-	30.000	516.797.338

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

31.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở không chiết khấu.

	<i>Dưới 1 tháng</i> <i>VND'000</i>	<i>Từ 1 đến 3 tháng</i> <i>VND'000</i>	<i>Tổng cộng</i> <i>VND'000</i>
Ngày 30 tháng 6 năm 2025			
Nợ phải trả tài chính			
Phải trả ngắn hạn khác	5.106.737	-	5.106.737
Chi phí phải trả	-	16.748.933	16.748.933
	5.106.737	16.748.933	21.855.670
	<i>Dưới 1 tháng</i> <i>VND'000</i>	<i>Từ 1 đến 3 tháng</i> <i>VND'000</i>	<i>Tổng cộng</i> <i>VND'000</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2024			
Nợ phải trả tài chính			
Phải trả người bán	306.180	-	306.180
Phải trả ngắn hạn khác	3.617.041	-	3.617.041
Chi phí phải trả	-	13.224.286	13.224.286
	3.923.221	13.224.286	17.147.507

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

32. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ VND'000		Số đầu kỳ VND'000		Số cuối kỳ VND'000	Số đầu kỳ VND'000
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.959.294	-	17.224.155	-	38.959.294	17.224.155
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	485.000.000	-	400.000.000	-	485.000.000	400.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	87.683.311	-	88.477.043	-	87.683.311	88.477.043
Các khoản phải thu khác	5.729.763	(30.000)	11.096.140	(30.000)	5.699.763	11.066.140
	617.372.368	(30.000)	516.797.338	(30.000)	617.342.368	516.767.338
	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý			
	Số cuối kỳ VND'000		Số đầu kỳ VND'000		Số cuối kỳ VND'000	Số đầu kỳ VND'000
Nợ phải trả tài chính						
Phải trả người bán	-	-	306.180	-	-	306.180
Phải trả ngắn hạn khác	5.106.737	-	3.617.041	-	5.106.737	3.617.041
Chi phí phải trả	16.748.933	-	13.224.286	-	16.748.933	13.224.286
	21.855.670		17.147.507		21.855.670	17.147.507

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác, khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do chủ yếu những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

33. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện trình bày lại một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 liên quan đến việc phân loại lại một số khoản mục trong Thuyết minh số 22. Chi phí quản lý doanh nghiệp. Việc phân loại lại này nhằm phản ánh đúng bản chất của từng loại chi phí, đảm bảo phù hợp hơn với tính chất hoạt động và mục đích sử dụng của các khoản chi.

Chi tiết phần trình bày lại dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được trình bày dưới đây:

Trích từ Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

Đơn vị tính: VND'000

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (Đã trình bày trước đây)	Điều chỉnh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (Trình bày lại)
Chi phí nhân viên	17.349.195	-	17.349.195
Chi phí dịch vụ CNTT	1.634.300	205.006	1.839.306
Chi phí thuê văn phòng	1.315.021	-	1.315.021
Chi phí dịch vụ mua ngoài	830.210	61.502	891.712
Chi phí khấu hao và hao mòn TSCĐ	543.804	-	543.804
Chi phí dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường	4.617	-	4.617
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	-	262.408	262.408
Chi phí khác	3.062.951	(528.916)	2.534.035
	24.740.098	-	24.740.098

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Bà Nguyễn Thị Hoài Thu
Kế toán

Bà Lê Minh Thủy
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Quốc Dũng
Tổng Giám đốc